

Số: **1008** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **19** tháng **7** năm **2019**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định QUA VI CO và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 14/7/2019;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định QUA VI CO

Địa chỉ: 100 Phạm Văn Đồng, Khối 1, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế: 4000938731

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 100 Phạm Văn Đồng, Khối 1, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1358

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định QUA VI CO;
- SXD tỉnh Quảng Nam;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1358**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: 1008/GCN-BXD ngày 19 tháng 7 năm 2019)*

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ^(*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
2	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993
	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:1993
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
	Xác định hàm lượng bọt khí bê tông	TCVN 3111:1993
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
	Xác định độ co ngót	TCVN 3117:93
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993
	Xác định độ bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993
3	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:0606
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
	Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006 AASHTO T96
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ^(*)
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
	Đảm nén đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
	Xác định độ trương nở của đất sét	ASTM D4546
	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
	Xác định góc nghi tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
5	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
	Thử kéo	TCVN 197-1:2014
	Thử uốn	TCVN 198:2008
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
6	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ^(*)
7	THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
	Xác định tồn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
8	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định cường độ kéo khi ép chèn của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cân Ben kelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	Thí nghiệm đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
9	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
10	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
11	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
	Xác định thành phần hạt	22TCN 58:1984 TCVN 7572-2:2006
	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định hệ số háo nước	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
	Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
12	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
13	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
14	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.